

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3
Quý 1 năm 2016



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3Tòa nhà HUD3 Tower, Số 121-123 Đường Tô Hiệu,
Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/03/2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/03/2016	01/01/2016
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		482,992,767,861	565,598,842,622
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	25,514,228,845	62,470,658,279
111	1. Tiền		11,214,228,845	20,970,658,279
112	2. Các khoản tương đương tiền		14,300,000,000	41,500,000,000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		216,473,988,031	220,507,622,995
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	76,202,067,100	91,131,887,951
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		4,393,764,367	8,144,337,648
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	41,870,483,000	41,870,483,000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	94,007,673,564	79,360,914,396
140	IV. Hàng tồn kho	8	238,403,504,204	281,944,676,666
141	1. Hàng tồn kho		238,403,504,204	281,944,676,666
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		2,601,046,781	675,884,682
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		16,666,667	66,666,667
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		593,358,242	593,358,242
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	12	1,991,021,872	15,859,773
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		69,948,598,729	54,562,133,468
220	II. Tài sản cố định		41,338,335,382	42,106,851,136
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	41,338,335,382	42,106,851,136
222	- Nguyên giá		47,676,887,123	47,676,887,123
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(6,338,551,741)	(5,570,035,987)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	9	696,616,816	696,616,816
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		696,616,816	696,616,816
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	27,255,593,661	11,070,758,155
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		4,161,742,300	4,226,906,794
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		23,860,000,000	7,610,000,000
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(766,148,639)	(766,148,639)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		658,052,870	687,907,361
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		658,052,870	687,907,361
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		552,941,366,590	620,160,976,090

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2016

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/03/2016	01/01/2016
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		371,250,086,138	442,482,972,355
310	I. Nợ ngắn hạn		371,250,086,138	442,482,972,355
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	38,532,846,651	32,830,266,758
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		221,239,870,185	241,723,910,406
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	2,032,498,104	10,344,945,843
314	4. Phải trả người lao động		113,403,888	404,532,465
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		4,942,833,439	13,894,157,019
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	13	82,671,885,731	109,912,163,966
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	14	21,772,973,850	32,555,221,609
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		(56,225,710)	817,774,289
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		181,691,280,452	177,678,003,735
410	I. Vốn chủ sở hữu	15	181,691,280,452	177,678,003,735
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		99,999,440,000	99,999,440,000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		99,999,440,000	99,999,440,000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		52,843,673,165	52,843,673,165
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		18,315,220,676	14,552,857,071
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kết đến cuối năm trước</i>		14,552,857,071	3,274,481,679
421b	<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>		3,762,363,605	11,278,375,392
429	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		10,532,946,611	10,282,033,499
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		552,941,366,590	620,160,976,090

Lại Huy Mạnh
 Người lập

Trịnh Duy Hoàn
 Kế toán trưởng



Vương Đăng Phương
 Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 04 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý 1 năm 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2016	Từ 01/01/2015
			đến 31/03/2016	đến 31/03/2015
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16	108,858,502,620	62,855,211,826
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	17	7,469,998	4,803,637
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		108,851,032,622	62,850,408,189
11	4. Giá vốn hàng bán	18	98,050,904,352	57,256,640,017
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		10,800,128,270	5,593,768,172
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19	321,602,078	740,039,102
22	7. Chi phí tài chính	20	1,021,621,716	956,308,855
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		1,021,621,716	956,308,855
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		(65,164,494)	(82,908,240)
25	9. Chi phí bán hàng		-	-
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp		4,804,375,590	4,304,577,706
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		5,230,568,548	990,012,473
31	12. Thu nhập khác		3,500,000	312,485,010
32	13. Chi phí khác		-	-
40	14. Lợi nhuận khác		3,500,000	312,485,010
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		5,234,068,548	1,302,497,483
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	21	1,220,791,831	309,988,030
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		4,013,276,717	992,509,453
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		3,762,363,605	974,324,177
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		250,913,112	18,185,276
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		376	97

Lại Huy Mạnh
Người lập

Trịnh Duy Hoàn
Kế toán trưởng



Vương Đăng Phương
Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 04 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3Tòa nhà HUD3 Tower, Số 121-123 Đường Tô Hiệu,
Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/03/2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT*Quý 1 năm 2016**(Theo phương pháp gián tiếp)*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2016	Từ 01/01/2015
			đến 31/03/2016	đến 31/03/2015
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		5,234,068,548	1,302,497,483
	4. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		768,515,754	491,366,742
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(321,602,078)	(740,039,102)
06	- Chi phí lãi vay		1,021,621,716	956,308,855
08	11 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		6,702,603,940	2,010,133,978
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		2,927,910,485	1,337,086,479
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		43,541,172,462	5,742,109,917
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(57,310,362,021)	(7,880,630,854)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		79,854,491	81,663,707
14	- Tiền lãi vay đã trả		(2,044,074,470)	(956,308,855)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(3,467,890,956)	(2,577,999,790)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(873,999,999)	(493,896,667)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(10,444,786,068)	(2,737,842,085)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	(407,272,727)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(82,000,000)
25	3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(16,250,000,000)	-
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		520,604,393	740,039,102
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(15,729,395,607)	250,766,375
	III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		21,950,673,195	12,406,453,000
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(32,732,920,954)	(31,839,080,602)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(10,782,247,759)	(19,432,627,602)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(36,956,429,434)	(21,919,703,312)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Quý 1 năm 2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2016	Từ 01/01/2015
			đến 31/03/2016	đến 31/03/2015
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		62,470,658,279	53,148,980,302
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	25,514,228,845	31,229,276,990

Lại Huy Mạnh
Người lập

Trịnh Duy Hoàn
Kế toán trưởng



Vương Đăng Phương
Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 04 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 1 năm 2016

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD3 tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Xây dựng và Kinh doanh nhà Hà Đông, được thành lập theo Quyết định số 327/QĐ-UB ngày 01/10/1995 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Hà Tây và được đổi tên thành Công ty Xây dựng Đầu tư Phát triển đô thị số 3 thuộc Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị theo Quyết định số 1151/QĐ-BXD ngày 18/08/2000 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước sang công ty cổ phần theo Quyết định số 1182/QĐ-BXD ngày 22/07/2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và chính thức đi vào hoạt động kinh doanh theo mô hình công ty cổ phần từ ngày 01/10/2004 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0500227640 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Tây (nay là Thành phố Hà Nội), đăng ký lần đầu ngày 20/09/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 22 tháng 04 năm 2014.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tòa nhà HUD3 Tower, Số 121-123 Đường Tô Hiệu, Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là ... đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 03 năm 2016 là 99,999,440,000 đồng; tương đương 9,999,944 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10,000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây dựng và kinh doanh bất động sản.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Thi công, xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, buru chính viễn thông, đường dây và trạm biến thế, công trình kỹ thuật hạ tầng trong các khu đô thị và công nghiệp. Xây dựng các công trình công cộng, công viên sinh vật cảnh. Xây dựng các công trình văn hóa thể thao, du lịch, tu bổ tôn tạo các
- Lắp đặt điện nước, thi công lắp đặt thiết bị kỹ thuật công trình;
- Lập, quản lý các dự án đầu tư xây dựng;
- Trang trí nội ngoại thất các công trình xây dựng;
- Sản xuất, kinh doanh vật tư, thiết bị, vật liệu xây dựng;
- Vận tải hành khách, hàng hóa, bê tông tươi đường bộ bằng ô tô;
- Xuất nhập khẩu vật tư thiết bị, công nghệ xây dựng (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi Nhà nước cho
- Sản xuất vỏ bao xi măng;
- Đầu tư phát triển các khu du lịch sinh thái;
- Sản xuất kinh doanh đồ gỗ dân dụng và công nghiệp;
- Kinh doanh bất động sản;
- Đầu tư xây dựng các khu công nghiệp;
- Đầu tư các dự án phát triển nhà và đô thị;
- Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng, công nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3

Tòa nhà HUD3 Tower, Số 121-123 Đường Tô Hiệu,
Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/03/2016

Cấu trúc công ty mẹ

- Tổng số Công ty con: 02
- + Số lượng Công ty con được hợp nhất: 02 Công ty;
- + Số lượng Công ty con không được hợp nhất: 0 Công ty.

- Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/03/2016 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Xây lắp và Phát triển Nhà HUD3.2	Hà Nội	51.00%	51.00%	Xây lắp, cho thuê máy móc thiết bị
Công ty CP Xây lắp và Phát triển Nhà HUD3.3	Hà Nội	51.00%	51.00%	Xây lắp, kinh doanh vật tư, cho thuê thiết bị

- Công ty có các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát quan trọng được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/03/2016 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Đầu tư và Xây lắp điện nước HUD3.1	Hà Nội	20.00%	20.00%	Đầu tư, xây lắp, cho thuê máy móc thiết bị
Công ty CP Đầu tư Xây lắp và Thương mại Dịch Vụ HUD3.6	TP. Hồ Chí Minh	32.35%	30.00%	Xây lắp, tư vấn, cho thuê máy móc thiết bị
Công ty CP Dịch vụ và Quản lý Đô thị HUD3S	Hà Nội	30.00%	30.00%	Xây lắp, tư vấn, dịch vụ quản lý đô thị

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3

Tòa nhà HUD3 Tower, Số 121-123 Đường Tô Hiệu,
Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/03/2016

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/03/2016.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết mua trong kỳ bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán “Hợp nhất kinh doanh” và “Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết”. Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.7 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như	
- Nhà cửa, vật kiến trúc	35 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 06 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 05 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm

2.10 . Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Trường hợp nhận tiền, tài sản của các bên khác đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được kế toán là nợ phải trả. Trường hợp đưa tiền, tài sản đi đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được ghi nhận là nợ phải trả.

Đối với BCC chia lợi nhuận sau thuế nếu BCC quy định các bên cùng nhau phân chia lãi, lỗ theo kết quả kinh doanh của BCC thì:

- Bên thực hiện kế toán của BCC ghi nhận toàn bộ doanh thu, chi phí, và lợi nhuận sau thuế của BCC trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của mình và chia lợi nhuận cho các bên khác tham gia BCC.
- Bên thực hiện kế toán của BCC có nghĩa vụ thay mặt các bên khác thực hiện nghĩa vụ của BCC với Ngân sách Nhà nước, thực hiện quyết toán thuế.

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.13 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo đối chỉ tiết theo nguyên tệ.

2.14 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.15 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.16 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.17 . Doanh thu*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Trường hợp bán hàng hóa bất động sản theo hình thức khách hàng tự hoàn thiện hoặc Công ty hoàn thiện theo yêu cầu của khách hàng thì được ghi doanh thu khi hoàn thành bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

Đối với bất động sản phân lô bán nền đã chuyển giao nền đất cho khách hàng, Công ty được ghi nhận doanh thu với phần nền đất đã bán khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán nền đất;
- Công ty đã thu hoặc chắc chắn thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.18 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3

Tòa nhà HUD3 Tower, Số 121-123 Đường Tô Hiệu,
Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/03/2016

Việc trích trước chi phí để tạm tính giá vốn bất động sản nếu có đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Chi trích trước đối với các khoản chi phí đã có trong dự toán đầu tư, xây dựng nhưng chưa có đủ hồ sơ, tài liệu để nghiệm thu khối lượng;
- Chi trích trước chi phí để tạm tính giá vốn hàng bán cho phần bất động sản đã hoàn thành bán trong kỳ và đủ điều kiện ghi nhận doanh thu;
- Số chi phí trích trước và chi phí thực tế được ghi nhận vào giá vốn hàng bán phải đảm bảo tương ứng với định mức giá vốn tính theo tổng chi phí dự toán của phần hàng hóa bất động sản đã bán (được xác định theo diện tích).

2.19 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính

2.20 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

2.21 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/03/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	1,765,662,600	1,129,181,691
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	9,448,566,245	19,841,476,588
Các khoản tương đương tiền	14,300,000,000	41,500,000,000
	<u>25,514,228,845</u>	<u>62,470,658,279</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3

Tòa nhà HUD3 Tower, Số 121-123 Đường Tô Hiệu,
Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/03/2016

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/03/2016			01/01/2016		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty con	-	-	-	-	-	-
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết (*)	4,161,742,300	4,161,742,300	-	4,226,906,794	4,226,906,794	-
- Công ty CP Đầu tư và Xây lắp điện nước HUD3.1	2,029,378,215	2,029,378,215	-	2,021,273,011	2,021,273,011	-
- Công ty CP Đầu tư Xây lắp và Thương mại Dịch Vụ HUD3.6	1,681,597,785	1,681,597,785	-	1,763,279,436	1,763,279,436	-
- Công ty CP Dịch vụ và Quản lý Đô thị HUD3S	450,766,300	450,766,300	-	442,354,347	442,354,347	-
Đầu tư vào đơn vị khác	23,860,000,000	23,093,851,361	(766,148,639)	7,610,000,000	6,843,851,361	(766,148,639)
- Công ty CP Đầu tư Phát triển Kiến Hưng	5,000,000,000	5,000,000,000	-	5,000,000,000	5,000,000,000	-
- Công ty Cổ Phần Nikko Việt Nam	2,610,000,000	1,843,851,361	(766,148,639)	2,610,000,000	1,843,851,361	(766,148,639)
- Đầu tư góp vốn thực hiện dự án Đà Lạt	16,250,000,000	16,250,000,000	-	-	-	-
	28,021,742,300	27,255,593,661	(766,148,639)	11,836,906,794	17,914,609,516	(766,148,639)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

(*) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết được xác định theo Phương pháp vốn chủ sở hữu dựa trên Báo cáo tài chính của Công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm lập BCTC hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3Tòa nhà HUD3 Tower, Số 121-123 Đường Tô Hiệu,
Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/03/2016

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 31/03/2016 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Đầu tư và Xây lắp điện nước HUD3.1	Thành phố Hà Nội	20.00%	20.00%	Đầu tư, xây lắp, cho thuê máy móc thiết bị
Công ty CP Đầu tư Xây lắp và Thương mại Dịch Vụ HUD3.6	Thành phố Hồ Chí Minh	32.35%	30.00%	Xây lắp, tư vấn, cho thuê máy móc thiết bị
Công ty CP Dịch vụ và Quản lý Đô thị HUD3S	Thành phố Hà Nội	30.00%	30.00%	Xây lắp, tư vấn, dịch vụ quản lý đô thị

5 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/03/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
Tổng công ty Đầu tư phát triển nhà và đô thị	35,422,536,417	41,039,618,714
Các khoản phải thu khách hàng khác	40,779,530,683	50,092,269,237
	76,202,067,100	91,131,887,951
b) Phải thu của khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán		
- Các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn	76,202,067,100	91,131,887,951
	76,202,067,100	91,131,887,951
c) Phải thu khách hàng là các bên liên quan	35,422,536,417	41,220,405,214

6 . PHẢI THU VỀ CHO VAY

	31/03/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị (1)	38,500,000,000	38,500,000,000
- Các khoản cho vay ngắn hạn khác (2)	3,370,483,000	3,370,483,000
	41,870,483,000	41,870,483,000

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản cho vay ngắn hạn:

- (1) Hợp đồng tín dụng số 669/HĐVV-HUD ngày 15 tháng 12 năm 2015, cho Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị vay với số tiền là 38.500.000.000 đồng, thời hạn 1 năm và mức lãi suất là 8% / năm.
- (2) Tại ngày 31 tháng 03 năm 2016, các khoản cho vay ngắn hạn có thời hạn dưới 12 tháng, lãi suất 8,4%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3Tòa nhà HUD3 Tower, Số 121-123 Đường Tô Hiệu,
Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/03/2016

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/03/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	454,431,268	-	653,433,583	-
Tạm ứng	88,100,379,451	-	72,888,335,533	-
Ký cược, ký quỹ	-	-	991,872,000	-
Phải thu về tiền ủy thác của nhà đầu tư	1,368,000,000	-	1,368,000,000	-
Phải thu về chi phí Ban điều hành Dự án Bắc Ninh	926,112,667	-	926,112,667	-
Phải thu khác	3,158,750,178	-	2,533,160,613	-
	94,007,673,564	-	79,360,914,396	-

8 . HÀNG TỒN KHO

	31/03/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	1,653,600	-	13,053,600	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	238,009,823,331	-	281,931,623,066	-
Hàng hoá	392,027,273	-	-	-
	238,403,504,204	-	281,944,676,666	-

9 . XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/03/2016	01/01/2016
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	696,616,816	696,616,816
- Dự án T1 - T11 CT18 Việt Hưng	696,616,816	696,616,816
	696,616,816	696,616,816

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3

Tòa nhà HUD3 Tower, Số 121-123 Đường Tô Hiệu,
 Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/03/2016

10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	35,570,651,694	4,678,818,182	6,997,169,507	430,247,740	47,676,887,123
Số dư cuối năm	35,570,651,694	4,678,818,182	6,997,169,507	430,247,740	47,676,887,123
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	1,079,036,279	814,103,228	3,435,804,163	241,092,317	5,570,035,987
- Khấu hao trong năm	315,194,686	215,810,605	225,034,781	12,475,682	768,515,754
Số dư cuối năm	1,394,230,965	1,029,913,833	3,660,838,944	253,567,999	6,338,551,741
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	34,491,615,415	3,864,714,954	3,561,365,344	189,155,423	42,106,851,136
Tại ngày cuối năm	34,176,420,729	3,648,904,349	3,336,330,563	176,679,741	41,338,335,382

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3

Tòa nhà HUD3 Tower, Số 121-123 Đường Tô Hiệu,
 Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/03/2016

11 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/03/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Tổng công ty Đầu tư Xây dựng Hoàng Long	4,544,607,000	4,544,607,000	4,544,607,000	4,544,607,000
- Công ty CP Xây dựng bảo tàng Hồ Chí Minh	1,240,631,000	1,240,631,000	1,240,631,000	1,240,631,000
- Công ty CP Đầu tư và xây dựng số 4	9,883,832,711	9,883,832,711	3,269,057,084	3,269,057,084
- Công ty CP xây dựng Long Giang	1,190,153,000	1,190,153,000	-	-
- Công ty CP Đầu tư và xây lắp Điện nước HUD3.1	28,365,000	28,365,000	154,301,250	154,301,250
- Công ty CP Xây lắp và phát triển nhà HUD3.2	512,772,534	512,772,534	-	-
- Công ty CP Xây lắp và phát triển nhà HUD3.3	1,167,088,312	1,167,088,312	-	-
- Phải trả các đối tượng khác	19,965,397,094	19,965,397,094	23,621,670,424	23,621,670,424
	38,532,846,651	38,532,846,651	32,830,266,758	32,830,266,758
b) Phải trả người bán là các bên liên quan	68,802,761	68,802,761	199,534,360	199,534,360

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3Tòa nhà HUD3 Tower, Số 121-123 Đường Tô Hiệu,
Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/03/2016

12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	8,680,813,345	5,248,550,674	13,165,937,666	906,585,029	1,670,011,382
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	1,475,238,376	1,233,937,140	3,467,890,956	1,068,439,935	309,724,495
Thuế Thu nhập cá nhân	15,859,773	188,894,122	122,089,274	258,358,304	15,996,908	52,762,227
Các loại thuế khác	-	-	4,000,000	4,000,000	-	-
	15,859,773	10,344,945,843	6,608,577,088	16,896,186,926	1,991,021,872	2,032,498,104

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3Tòa nhà HUD3 Tower, Số 121-123 Đường Tô Hiệu,
Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/03/2016

13 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/03/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	91,543,971	84,303,121
- Bảo hiểm xã hội	144,761,529	268,522,528
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	86,916,931
- Phải trả lãi vay	153,886,215	1,176,338,969
- Phải trả các đội chi phí các dự án, các công trình	40,916,301,169	67,348,983,570
- Phải trả tổ chức, cá nhân tiền nhận ủy thác đầu tư	1,368,000,000	1,368,000,000
- Phải trả đối tác tiền góp vốn dự án KĐT Đông Sơn, Thanh Hóa	16,246,500,000	16,246,500,000
- Phải trả đối tác tiền lãi thực hiện dự án 123 Tô Hiệu, Hà Đông	4,366,837,298	4,366,837,298
- Phải trả khác về các dự án	1,411,242,944	1,413,242,944
- Phải trả tiền bảo trì Dự án HUD3 Tower	17,150,980,600	16,567,636,600
- Phải trả tiền đặt cọc sửa chữa căn hộ	87,000,000	90,000,000
- Phải trả, phải nộp khác	734,832,005	894,882,005
	<u>82,671,885,731</u>	<u>109,912,163,966</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3

Tòa nhà HUD3 Tower, Số 121-123 Đường Tô Hiệu,
 Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/03/2016

14 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2016		Trong kỳ		31/03/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn						
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	10,425,221,609	10,425,221,609	21,020,673,195	16,847,920,954	14,597,973,850	14,597,973,850
- Vay tổ chức, cá nhân khác	22,130,000,000	22,130,000,000	930,000,000	15,885,000,000	7,175,000,000	7,175,000,000
	32,555,221,609	32,555,221,609	21,950,673,195	32,732,920,954	21,772,973,850	21,772,973,850

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3

Tòa nhà HUD3 Tower, Số 121-123 Đường Tô Hiệu,
Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/03/2016

15 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại 01/01/2015	99,999,440,000	49,024,309,556	14,743,419,055	10,151,938,235	173,919,106,846
Lãi trong kỳ trước	-	-	974,324,177	18,185,276	992,509,453
Số dư tại 31/03/2015	99,999,440,000	49,024,309,556	15,717,743,232	10,170,123,511	174,911,616,299
Số dư đầu năm nay	99,999,440,000	52,843,673,165	14,552,857,071	10,282,033,499	177,678,003,735
Lãi trong kỳ này	-	-	3,762,363,605	250,913,112	4,013,276,717
Số dư cuối kỳ này	99,999,440,000	52,843,673,165	18,315,220,676	10,532,946,611	181,691,280,452

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3Tòa nhà HUD3 Tower, Số 121-123 Đường Tô Hiệu,
Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/03/2016

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị	51.00%	51,000,000,000	51.00%	51,000,000,000
Vốn góp của các cổ đông khác	49.00%	48,999,440,000	49.00%	48,999,440,000
- Các cổ đông khác	49.00%	48,999,440,000	49.00%	48,999,440,000
	100%	99,999,440,000	100%	99,999,440,000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2016 đến 31/03/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 31/03/2015 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	99,999,440,000	99,999,440,000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	<i>99,999,440,000</i>	<i>99,999,440,000</i>
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	<i>99,999,440,000</i>	<i>99,999,440,000</i>

d) Cổ phiếu

	31/03/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9,999,944	9,999,944
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9,999,944	9,999,944
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>9,999,944</i>	<i>9,999,944</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9,999,944	9,999,944
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>9,999,944</i>	<i>9,999,944</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10,000	10,000

e) Các quỹ công ty

	31/03/2016 VND	01/01/2016 VND
Quỹ đầu tư phát triển	52,843,673,165	52,843,673,165
	52,843,673,165	52,843,673,165

16 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2016 đến 31/03/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 31/03/2015 VND
Doanh thu từ hoạt động kinh doanh bất động sản	65,352,851,196	36,379,850,318
Doanh thu hoạt động xây lắp	39,553,204,382	25,979,819,216
Doanh thu hoạt động thương mại	2,006,246,932	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1,946,200,110	495,542,292
	108,858,502,620	62,855,211,826
Doanh thu đối với các bên liên quan	1,547,041,818	12,680,839,091

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3Tòa nhà HUD3 Tower, Số 121-123 Đường Tô Hiệu,
Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/03/2016

17 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Từ 01/01/2016 đến 31/03/2016	Từ 01/01/2015 đến 31/03/2015
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	7,469,998	4,803,637
	7,469,998	4,803,637

18 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2016 đến 31/03/2016	Từ 01/01/2015 đến 31/03/2015
	VND	VND
Giá vốn của hoạt động kinh doanh bất động sản	57,745,947,235	32,521,368,585
Giá vốn hoạt động xây lắp	37,472,289,509	24,261,211,825
Giá vốn của hoạt động thương mại	1,639,993,203	-
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1,192,674,405	474,059,607
	98,050,904,352	57,256,640,017

19 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2016 đến 31/03/2016	Từ 01/01/2015 đến 31/03/2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	321,602,078	740,039,102
	321,602,078	740,039,102

20 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2016 đến 31/03/2016	Từ 01/01/2015 đến 31/03/2015
	VND	VND
Lãi tiền vay	1,021,621,716	956,308,855
	1,021,621,716	956,308,855

21 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2016 đến 31/03/2016	Từ 01/01/2015 đến 31/03/2015
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5,234,068,548	1,302,497,483
Thu nhập tính thuế TNDN	5,234,068,548	1,302,497,483
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 22%)	1,220,791,831	309,988,030

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3Tòa nhà HUD3 Tower, Số 121-123 Đường Tô Hiệu,
Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/03/2016

22 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Từ 01/01/2016 đến 31/03/2016	Từ 01/01/2015 đến 31/03/2015
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	3,762,363,605	974,324,177
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	3,762,363,605	974,324,177
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	9,999,944	9,999,944
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	376	97

23 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/03/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	25,514,228,845	-	62,470,658,279	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	170,209,740,664	-	170,492,802,347	-
Các khoản cho vay	41,870,483,000	-	41,870,483,000	-
Đầu tư dài hạn	23,860,000,000	(766,148,639)	7,610,000,000	(766,148,639)
	261,454,452,509	(766,148,639)	282,443,943,626	(766,148,639)

	Giá trị sổ kế toán	
	31/03/2016 VND	01/01/2016 VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	21,772,973,850	32,555,221,609
Phải trả người bán, phải trả khác	121,204,732,382	142,742,430,724
Chi phí phải trả	4,942,833,439	13,894,157,019
	147,920,539,671	189,191,809,352

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3Tòa nhà HUD3 Tower, Số 121-123 Đường Tô Hiệu,
Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/03/2016

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/03/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	25,514,228,845	-	-	25,514,228,845
Phải thu khách hàng, phải thu khác	170,209,740,664	-	-	170,209,740,664
Các khoản cho vay	41,870,483,000	-	-	41,870,483,000
Đầu tư dài hạn	-	23,093,851,361	-	23,093,851,361
	237,594,452,509	23,093,851,361	-	260,688,303,870
Tại ngày 01/01/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	62,470,658,279	-	-	62,470,658,279
Phải thu khách hàng, phải thu khác	170,492,802,347	-	-	170,492,802,347
Các khoản cho vay	41,870,483,000	-	-	41,870,483,000
Đầu tư dài hạn	-	6,843,851,361	-	6,843,851,361
	274,833,943,626	6,843,851,361	-	281,677,794,987

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3Tòa nhà HUD3 Tower, Số 121-123 Đường Tô Hiệu,
Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/03/2016

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/03/2016				
Vay và nợ	21,772,973,850	-	-	21,772,973,850
Phải trả người bán, phải trả khác	121,204,732,382	-	-	121,204,732,382
Chi phí phải trả	4,942,833,439	-	-	4,942,833,439
	147,920,539,671	-	-	147,920,539,671
Tại ngày 01/01/2016				
Vay và nợ	32,555,221,609	-	-	32,555,221,609
Phải trả người bán, phải trả khác	142,742,430,724	-	-	142,742,430,724
Chi phí phải trả	13,894,157,019	-	-	13,894,157,019
	189,191,809,352	-	-	189,191,809,352

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

24 . THÔNG TIN KHÁC VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Doanh thu thuần quý 1/2016 đạt 108,8 tỷ, tăng 173% so với cùng kỳ (doanh thu quý 1/2015 đạt 62,8 tỷ). Nguyên nhân doanh thu tăng trong kỳ là do dự án CT3 Linh Đàm đã hoàn thành từng bước bàn giao cho khách hàng do vậy Công ty đã ghi nhận được một lượng doanh thu trong quý 1/2016, ngoài ra công ty đẩy mạnh công tác thanh, quyết toán các công trình có giá trị dở dang lớn đây cũng là nguyên nhân làm cho doanh thu quý 1/2016 tăng hơn so với cùng kỳ năm 2015.

Lợi nhuận sau thuế Quý 1 năm 2016 của Công ty đạt 4,013 tỷ tăng 404% so với cùng kỳ năm 2015, trong quý 1/2016 Công ty đã ghi nhận được một lượng doanh thu từ dự án CT3 Linh Đàm do vậy làm cho lợi nhuận tăng cao hơn so với cùng kỳ năm 2015.

25 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán từ đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3

Tòa nhà HUD3 Tower, Số 121-123 Đường Tô Hiệu,
Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/03/2016

26 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu đầu kỳ trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính hợp nhất 2015 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán, số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ 01/01/2015 đến 31/03/2015 do Công ty lập.



Lại Huy Mạnh
Người lập



Trịnh Duy Hoàn
Kế toán trưởng



Vương Đăng Phương
Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 04 năm 2016